

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-PT
Ngày 21 - 11 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt
Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương
Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2019/TLPT-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 65/2019/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ngọc S, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Ấp TA, xã TT, huyện M, tỉnh B.

Nơi ở hiện nay: Số XY/Z ấp VB, xã ĐĐ, huyện TP, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh N, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Ấp TA, xã TT, huyện M, tỉnh B.

- Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Minh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đề ngày 06/3/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc S trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh N tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐĐ, huyện T, tỉnh B. Sau khi cưới nhau, anh chị cất nhà sinh sống tại ấp TA, xã TT, huyện M. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Thời gian gần đây, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh N đi làm nhưng không đưa tiền cho chị để nuôi con và lo cho gia đình. Chị và anh N đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành và không còn sống chung với nhau từ tháng 3/2019 cho đến nay. Nhận thấy, vợ chồng không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin được ly hôn với anh N.

Trong thời gian chung sống, chị và anh N có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 12/11/2013. Từ khi vợ chồng không còn sống chung thì cháu H do chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ tháng 4/2019 khi cháu H nghỉ hè, anh N bắt cháu về sống chung với anh, từ đó làm ảnh hưởng đến việc học tập của cháu. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu H. Chị làm công việc mua bán và chăn nuôi bò, thu nhập hàng tháng khoảng 7.500.000 đồng, chị đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Chị và anh N không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung.

Trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đề ngày 06/3/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Minh N trình bày:

Anh thống nhất với lời trình của chị S về quá trình tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh chị có cãi nhau do bất đồng quan điểm sống và đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Từ tháng 3/2019 cho đến nay, anh chị không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy, vợ chồng không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn với chị S.

Anh và chị S có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 12/11/2013, hiện tại cháu sống cùng với anh và đã có nơi học tập ổn định tại Thành phố H. Anh làm công việc kinh doanh shop quần áo, thu nhập hàng tháng khoảng 35.000.000 đồng, anh có đủ khả năng nuôi con nên nếu anh được quyền nuôi con thì không yêu cầu chị S cấp dưỡng cho con.

Anh và chị S không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đưa vụ án ra xét xử quyết định:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc S. Chị Phan Thị Ngọc S được ly hôn với anh Nguyễn Minh N.

Về con chung: Chị Phan Thị Ngọc S và anh Nguyễn Minh N có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Hà, sinh ngày 12/11/2013

Chị Phan Thị Ngọc S được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc Hà.

Ghi nhận chị Phan Thị Ngọc S không yêu cầu anh Nguyễn Minh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Ngọc S và anh Nguyễn Minh N trình bày không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Minh N kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Minh N giữ nguyên nội dung kháng cáo, anh yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con. Anh đưa ra các lý do như sau: Tòa sơ thẩm không xem xét, xác minh chứng cứ do các bên cung cấp mà chỉ căn cứ vào lời khai của bà S để xem xét là không phù hợp, bà S không còn buôn bán thịt heo tại chợ PK mà sạp thịt heo đã chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị P nên thu nhập thực tế bà S không có, không đảm bảo tài chính để nuôi con. Từ tháng 4/2019 đến nay, cháu H đang ở với anh và đang học trường Tiểu học Chuẩn Quốc gia A tại Thành phố H. Ngoài ra, cháu H còn học lớp anh văn tăng cường với môn Toán và Khoa học bằng Tiếng anh, về điều kiện học tập của cháu đã ổn định tại Thành phố H. Cháu H chưa đủ 07 tuổi như luật định nhưng Tòa án lại yêu cầu chị S đưa cháu H đến Tòa án để lấy ý kiến cháu muốn ở với ai và ký tên vào biên bản khi không có mặt anh là không khách quan. Ngoài ra, cháu H có nguyện vọng sống chung với cha. Trong thời gian cháu H sống chung với anh, chị S không một lần gọi điện thoại hỏi thăm con nên anh cho rằng chị S không thật lòng muốn nuôi cháu H mà là do gia đình chị S ép buộc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc S không đồng ý nội dung kháng cáo của anh N, yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và N vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Minh N, sửa một phần bản án sơ thẩm, giao con chung của anh N và chị S là cháu Nguyễn Thị Ngọc H cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận anh N không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn anh

Nguyễn Minh N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.
Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Ngọc S. Chị Phan Thị Ngọc S được ly hôn với anh Nguyễn Minh N. Cả nguyên đơn và bị đơn không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị về quan hệ hôn nhân nên đã phát sinh hiệu lực.

[2] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Ngọc S và anh Nguyễn Minh N trình bày không tranh chấp tài sản chung, không có nợ chung nên cấp sơ thẩm không xem xét. Tòa sơ thẩm tuyên án, cả nguyên đơn và bị đơn không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị về tài sản chung và nợ chung nên đã phát sinh hiệu lực.

[3] Về con chung: Sau khi Tòa sơ thẩm tuyên án giao con chung của chị S và anh N là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2013 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh N có kháng cáo không đồng ý, anh N yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại giao cháu H cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N cho rằng hiện tại cháu H đang sống với anh, anh nộp tại Tòa bản sao các loại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh Shop Si Minh N, Thông báo về cơ quan thuế quản lý và mục lục NSNN của NNT đối với Nguyễn Minh N, giấy chứng nhận đăng ký thuế của Nguyễn Minh N, giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước để chứng minh anh có thu nhập ổn định từ công việc kinh doanh shop quần áo, thu nhập hàng tháng khoảng 35.000.000 đồng, anh có đủ khả năng nuôi con. Ngoài ra, anh N trình bày cháu H đang học lớp 1 tại trường Tiểu học Chuẩn Quốc gia A tại Quận TP, Thành phố H, anh cho rằng nếu giao cháu H cho chị S thì phải rút học bạ đem về quê, trong khi điều kiện học tập của cháu đã ổn định. Hơn nữa, anh N còn cung cấp chứng cứ là giấy xác nhận chị Phan Thị Ngọc S đã chuyển nhượng địa điểm kinh doanh mua bán thịt heo quẩy số 4 cho bà Nguyễn Thị Phỉ, giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn H về việc từ ngày 06/4/2019 đến nay chị S không còn mua bán trên quầy thịt heo số 4 nữa để chứng minh chị S không có thu nhập ổn định, không đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi con chung. Về phía chị S trình bày chị hiện nay kinh doanh bán hàng online thu nhập mỗi tháng khoảng 7.500.000 đồng, còn sạp thịt theo thì chị vẫn đứng tên không chuyển nhượng cho ai khác nhưng do heo nhiều lần bị dịch bệnh, người tiêu dùng ít và giá cả cao nên tạm thời chị chưa bán lại. Xét thấy, anh N và chị S có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 12/11/2013, sau khi ly hôn cả anh N và chị S đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Anh N và chị S đều thống nhất từ khi vợ chồng anh chị không còn sống chung đến tháng 4/2019 thì cháu H sống chung với chị S nhưng từ tháng 4/2019 đến nay thì cháu H sống chung với anh N, do anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, cháu hiện sống tại Thành phố H và học lớp 1 tại trường Tiểu học Chuẩn Quốc gia A tại Quận TP, Thành phố H. Chị S cũng thừa nhận cháu H được anh N nuôi dưỡng phát triển bình thường về mặt thể chất và tâm lý. Hồ sơ vụ án thể hiện anh N chứng minh được thu nhập kinh tế ổn định, mỗi tháng 35.000.000 đồng từ việc kinh doanh shop quần áo tại Thành phố H. Ngoài ra, thì tại phiên tòa chị S cho rằng công việc của chị từ việc mua bán hàng online, chăn nuôi bò thu nhập hàng tháng khoảng 7.500.000 đồng nhưng chị cũng không chứng minh được mình có thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại cháu H đang sống

với anh N, anh N hiện tại cũng có thu nhập ổn định nên để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu H, đồng thời để tạo được sự ổn định về môi trường sống và học tập cho cháu H nên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N, giao cháu H cho anh N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Do anh N không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận việc chị S không cấp dưỡng nuôi con chung. Nội dung kháng cáo của anh N là có căn cứ nên được chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên anh Nguyễn Minh N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Minh N.

Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 65/2019/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về con chung: Chị Phan Thị Ngọc S và anh Nguyễn Minh N có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Hà, sinh ngày 12/11/2013.

Anh Nguyễn Minh N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc H.

Ghi nhận anh Nguyễn Minh N không yêu cầu chị Phan Thị Ngọc S cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phan Thị Ngọc S được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở chị thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Ngọc S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0022050 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Nguyễn Minh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006414 ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Minh Đạt